

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

Số: 598 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Cao Bằng, ngày 25 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động
của khối, cụm thi đưa trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa, đổi bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Hướng dẫn số 1479/HD-BTĐKT ngày 25 tháng 7 năm 2016 của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương về tổ chức hoạt động cụm, khối thi đua các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và đề nghị tặng Cờ thi đua của Chính phủ, Cờ thi đua cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Thực hiện Đề án số 1308/ĐA-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động khối, cụm thi đua thuộc tỉnh Cao Bằng;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 723/TTr-SNV ngày 02 tháng 5 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của khối, cụm thi đua trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và lãnh đạo các đơn vị, doanh nghiệp tham gia khối, cụm thi đua trên địa bàn tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương;
- Tỉnh ủy; Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc VN tỉnh Cao Bằng;
- Thành viên Hội đồng TĐKT tỉnh;
- Các đơn vị tham gia khối, cụm thi đua thuộc tỉnh;
- Ban TĐKT tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NV, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Xuân Ảnh

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của khối, cụm thi đua trên địa bàn tỉnh Cao Bằng
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 598/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về nguyên tắc, cơ cấu tổ chức, nội dung hoạt động, chế độ làm việc của khối, cụm (sau đây gọi chung là khối) thi đua; trách nhiệm, nhiệm vụ của Trưởng khối, Phó trưởng khối và các đơn vị thành viên trong khối; quy định về bình xét, suy tôn đề nghị khen thưởng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các đơn vị thành viên trong các khối thi đua do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập.
2. Các đơn vị thành viên trong các khối thi đua do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền thành lập.

Chương II

TỔ CHỨC KHỐI THI ĐUA

Điều 3. Nguyên tắc phân chia khối thi đua

1. Khối thi đua gồm một số đơn vị có đặc điểm tương đồng về địa lý, kinh tế, xã hội hoặc tương đồng về chức năng, nhiệm vụ. Khối thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh và các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xem xét, sắp xếp về tổ chức và chỉ đạo hoạt động.
2. Việc phân chia khối thi đua phải đảm bảo tuân thủ các quy định về thi đua khen thưởng và hướng dẫn của Hội đồng thi đua, khen thưởng Trung ương, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương; việc phân chia khối thi đua cần đảm bảo hợp lý, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức phong trào thi đua, bình xét, suy tôn những tập thể tiêu biểu, xuất sắc trong phong trào thi đua.

Điều 4. Khối thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập và quản lý

Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập các khối thi đua thuộc tỉnh đảm bảo quy định của Trung ương và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Điều 5. Khối thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố thành lập và quản lý

1. Đối với cấp xã: Các xã, phường, thị trấn trong 01 huyện, thành phố được tổ chức thành 01 cụm thi đua do Ủy ban nhân dân huyện, thành phố thành lập và quản lý.

2. Đối với ngành Giáo dục và Đào tạo

a) Khối thi đua do Sở Giáo dục và Đào tạo thành lập và quản lý: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc và tình hình thực tế, Sở Giáo dục và Đào tạo thành lập các khối thi đua đảm bảo mỗi khối thi đua có từ 10 đơn vị trở lên.

b) Khối thi đua do Ủy ban nhân dân huyện, thành phố thành lập và quản lý

- Khối thi đua các trường Trung học cơ sở và Phổ thông cơ sở: Các trường Trung học cơ sở và Phổ thông cơ sở trong cùng 01 huyện, thành phố tổ chức thành 01 khối thi đua.

- Khối thi đua các trường Tiểu học: Các trường Tiểu học trong cùng 01 huyện, thành phố tổ chức thành 01 khối thi đua.

- Khối thi đua các trường Mầm non: Các trường Mầm non trong cùng 01 huyện, thành phố tổ chức thành 01 khối thi đua.

3. Đối với ngành Y tế, các khối thi đua do Sở Y tế thành lập và quản lý, mỗi khối thi đua có từ 10 đơn vị trở lên:

a) Khối thi đua các đơn vị tuyến tỉnh.

b) Khối thi đua các đơn vị tuyến huyện.

4. Đối với các phòng, ban, cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc sở, ban, ngành khác và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố: Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và số lượng các đơn vị trực thuộc (có tài khoản, con dấu hạch toán độc lập), tổ chức các khối thi đua (mỗi khối thi đua có từ 05 đơn vị trở lên).

Chương III

HOẠT ĐỘNG KHỐI THI ĐUA THUỘC TỈNH

Điều 6. Cơ cấu tổ chức và nguyên tắc hoạt động

1. Cơ cấu tổ chức

a) Mỗi khối thi đua thuộc tỉnh gồm 01 Trưởng khối, 01 Phó Trưởng khối và các đơn vị thành viên trong khối.

b) Trưởng khối, Phó Trưởng khối do các thành viên trong khối bầu tại Hội nghị tổng kết hàng năm của khối theo chế độ luân phiên. Đơn vị là Phó Trưởng khối năm trước sẽ làm Trưởng khối năm sau. Trưởng khối, Phó Trưởng khối điều hành hoạt động khối ngay sau khi được các đơn vị thành viên trong khối bầu.

c) Phòng Nội vụ các huyện, thành phố; Văn phòng (hoặc Phòng Tổ chức cán bộ) của các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ theo dõi công tác thi đua,

khen thưởng của đơn vị làm Trưởng khối, Phó Trưởng khối là bộ phận giúp việc cho Trưởng khối, Phó Trưởng khối.

2. Nguyên tắc hoạt động

a) Khối thi đua làm việc theo nguyên tắc tập trung, dân chủ, bình đẳng; đảm bảo công khai, minh bạch, đoàn kết, hợp tác, cùng phát triển.

b) Trưởng khối, Phó Trưởng khối được sử dụng con dấu của đơn vị mình để quan hệ công tác và thực hiện nhiệm vụ của khối.

c) Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh đưa tên thành viên ra khỏi khối thi đua theo đề nghị của thành viên đó hoặc khi thành viên đó không tham gia các hoạt động khối thi đua từ 02 năm trở lên và có 2/3 thành viên trong khối đồng ý.

Điều 7. Nội dung hoạt động của khối thi đua

1. Tổ chức tuyên truyền, quán triệt, triển khai các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng thi đua, khen thưởng tỉnh, Sở Nội vụ và các văn bản liên quan về công tác thi đua, khen thưởng.

2. Hàng năm tổ chức phát động phong trào thi đua chung của khối, trong đó xác định rõ nhiệm vụ chính trị trọng tâm cần đạt được, hướng vào việc hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ được giao, tập trung giải quyết những yếu kém, những nhiệm vụ cấp bách, những việc khó, việc mới của các đơn vị trong khối.

3. Xây dựng các văn bản đề chỉ đạo hoạt động khối hàng năm và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả.

4. Thống nhất ban hành bảng tiêu chí chấm điểm thi đua của khối hàng năm.

5. Sơ kết, tổng kết hoạt động khối; xét, đề nghị thưởng cho các đơn vị thành viên trong khối theo quy định về thi đua, khen thưởng; phát hiện, tôn vinh, nhân rộng điển hình tiên tiến trong khối.

6. Các hoạt động khác của khối do các đơn vị thành viên trong khối quyết định nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của khối thi đua. Hàng năm, mỗi khối thi đua tổ chức ít nhất 01 hoạt động chung thông qua các hình thức như hội thảo, tọa đàm, giao lưu... gắn với thực hiện chủ đề thi đua chung của khối. Ngoài ra, có thể tổ chức các hoạt động khác gắn với đánh giá kết quả tổ chức phong trào thi đua và công tác khen thưởng; trao đổi kinh nghiệm về công tác thi đua, khen thưởng, rút ra những ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân và những bài học kinh nghiệm, giới thiệu các mô hình, điển hình tiên tiến.

Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng khối, Phó Trưởng khối và thành viên khối thi đua

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng khối

a) Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng thi đua, khen thưởng tỉnh về hoạt động của khối theo quy định.

b) Tổ chức phát động thi đua, đăng ký, ký giao ước thi đua giữa các đơn vị thành viên trong khối; xây dựng các văn bản để chỉ đạo tổ chức hoạt động khối hàng năm.

c) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị thành viên trong khối cụ thể hóa bảng tiêu chí chấm điểm thi đua phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thành viên.

d) Chủ trì tổ chức chấm điểm thi đua hàng năm cho các đơn vị thành viên trong khối thi đua.

đ) Báo cáo tổng kết công tác thi đua, khen thưởng của khối hàng năm theo quy định.

e) Tổ chức Hội nghị tổng kết công tác thi đua, khen thưởng của khối hàng năm; phát động, ký giao ước thi đua, báo cáo kết quả bình xét thi đua của khối và kết quả bầu Trường khối, Phó Trường khối năm sau báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Thi đua – Khen thưởng, Sở Nội vụ).

g) Yêu cầu các đơn vị thành viên thực hiện chế độ báo cáo và các nội dung hoạt động khác của cơ quan, đơn vị, địa phương để tổng hợp phục vụ cho việc đánh giá hoạt động khối.

h) Thực hiện nhiệm vụ của thành viên trong khối thi đua và một số nhiệm vụ khác cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng thi đua, khen thưởng tỉnh giao.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Trường khối

a) Phối hợp với Trường khối thống nhất chương trình, kế hoạch và các nội dung hoạt động của khối trong năm.

b) Điều hành, giải quyết công việc của khối khi được Trường khối ủy quyền.

c) Tổng hợp báo cáo sơ kết công tác thi đua, khen thưởng 6 tháng đầu năm của khối.

d) Tổ chức Hội nghị sơ kết công tác thi đua, khen thưởng của khối 6 tháng đầu năm và thực hiện báo cáo theo quy định của Hội đồng thi đua, khen thưởng tỉnh.

đ) Thực hiện nhiệm vụ của thành viên trong khối thi đua.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị thành viên

a) Tham gia ký giao ước thi đua và đăng ký các chỉ tiêu thi đua hàng năm bằng văn bản gửi đơn vị Trường khối, Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ) trước ngày 10 tháng 3 hàng năm. Nếu trong năm cơ quan chủ quản có điều chỉnh chỉ tiêu giao thực hiện cho đơn vị, đơn vị được giao điều chỉnh có văn bản đăng ký điều chỉnh bổ sung gửi Trường khối thi đua làm căn cứ chấm điểm tổng kết năm.

b) Tham gia xây dựng nội dung tiêu chí thi đua, bảng chấm điểm tiêu chí thi đua, tham gia ý kiến đối với các văn bản chỉ đạo hoạt động của khối thi đua.

c) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng thi đua, khen thưởng tỉnh và của khối.

d) Tham gia đầy đủ, đúng thành phần các hoạt động của khối thi đua.

đ) Xây dựng, phát hiện và giới thiệu các mô hình, các điển hình tiên tiến có cách làm hay, có hiệu quả trong phong trào thi đua.

e) Thực hiện một số nhiệm vụ khác phục vụ cho hoạt động khối do đơn vị Trưởng khối, Phó Trưởng khối phân công.

Chương IV

NỘI DUNG THI ĐUA, ĐIỂM THI ĐUA, QUY TRÌNH CHẤM ĐIỂM VÀ BÌNH XÉT KHEN THƯỞNG ĐỐI VỚI KHỐI THI ĐUA THUỘC TỈNH

Điều 9. Nội dung thi đua, điểm thi đua

1. Nội dung thi đua

a) Thi đua thực hiện nhiệm vụ được giao; thi đua phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh; thi đua thực hiện sản xuất kinh doanh và an sinh xã hội.

b) Thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị.

c) Công tác thi đua, khen thưởng.

2. Điểm thi đua

a) Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tiêu chí chung và khung điểm thi đua cho các khối thi đua (*có phụ lục kèm theo*) với tổng số điểm thi đua là 1000 điểm.

b) Căn cứ khung cơ cấu điểm của Ủy ban nhân dân tỉnh, các thành viên trong mỗi khối thi đua cụ thể hóa bảng tiêu chí chấm điểm thi đua cho phù hợp với tình hình thực tế của từng thành viên, lượng hóa các chỉ tiêu có tính chất định tính để xây dựng được thang điểm, bảng điểm giúp cho việc chấm điểm được chính xác và đảm bảo tính công bằng, khách quan trong thi đua. Hàng năm, Trưởng khối gửi Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ tham gia ý kiến trước khi ban hành.

c) Việc cụ thể hóa nội dung, phân chia thang điểm, bảng điểm không được vượt quá tổng số điểm đã quy định cho mỗi nội dung thi đua chủ yếu và phải được các thành viên trong khối thi đua thảo luận dân chủ, thống nhất để làm căn cứ cho việc chấm điểm và bình xét thi đua hàng năm.

3. Đăng ký chỉ tiêu thi đua

a) Hàng năm, mỗi đơn vị thành viên trong khối thi đua có trách nhiệm đăng ký các chỉ tiêu thi đua thực hiện chức năng nhiệm vụ và quy định số điểm cho từng chỉ tiêu đảm bảo không vượt quá tổng số điểm của nội dung thi đua do Ủy

ban nhân dân tỉnh quy định và phải được các đơn vị thành viên trong khối thông nhất thông qua.

b) Đối với những đơn vị không được giao chỉ tiêu kế hoạch thì đăng ký các chỉ tiêu thi đua để tính điểm phải cao hơn kết quả đạt được của năm trước liền kề.

Điều 10. Quy trình chấm điểm thi đua

1. Căn cứ bảng chấm điểm thi đua đã được khối thống nhất và kết quả thực hiện nhiệm vụ, cuối năm các đơn vị thành viên tiến hành tự chấm điểm và gửi kết quả tự chấm điểm về đơn vị Trưởng khối để tổ chức thẩm định.

2. Đơn vị Trưởng khối chủ trì, phối hợp với đơn vị Phó Trưởng khối tổng hợp kết quả tự chấm điểm của các đơn vị thành viên trong khối và tổ chức họp khối để xác định kết quả chấm điểm và gửi Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ thẩm định.

3. Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan để thẩm định kết quả chấm điểm. Tổng số điểm của các đơn vị, địa phương sau khi Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ thẩm định là căn cứ để bình xét, đề nghị khen thưởng.

4. Trưởng khối thông qua kết quả thẩm định kết quả chấm điểm của khối tại Hội nghị tổng kết năm của khối để thống nhất bình xét, đề nghị khen thưởng.

Điều 11. Nguyên tắc chấm điểm, quy định về điểm thưởng và điểm trừ

1. Nguyên tắc chấm điểm

a) Đối với các tiêu chí định lượng: Căn cứ kết quả đạt được so với các chỉ tiêu kế hoạch của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho các đơn vị (hoặc căn cứ vào Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện) và chương trình, kế hoạch công tác của các cơ quan, đơn vị, địa phương để chấm điểm. Đối với các tiêu chí do các cơ quan, đơn vị liên quan đánh giá thì được quy đổi tương ứng với điểm tối đa của tiêu chí đó.

Ví dụ: Tại tiêu chí *Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng đạt trong sạch vững mạnh* (Áp dụng đối với cụm thi đua các huyện miền Đông và cụm thi đua các huyện miền Tây)

Nếu trường hợp huyện A có từ 50% TCCSĐ trở lên đạt TSVM thì được 30 điểm (là điểm tối đa cho tiêu chí này); nếu trường hợp huyện A có 45% TCCSĐ đạt TSVM thì điểm đạt được của tiêu chí này tính như sau:

$$\text{Điểm đạt được} = \frac{45 \times 30}{50} = 27 \text{ (điểm)}$$

b) Đối với các tiêu chí định tính: Điểm chấm tương ứng với các mức tốt, khá, trung bình, yếu (kém) (hoặc các mức đánh giá tương đương) thì được quy định cụ thể như sau: Đánh giá mức tốt tương ứng với điểm tối đa; đánh giá ở

mức khá tương ứng với 70% điểm tối đa; đánh giá mức trung bình tương ứng với 50% điểm tối đa (nếu được đánh giá ở mức yếu (kém) thì không xét thi đua).

2. Quy định về điểm thưởng và điểm trừ

a) Điểm thưởng

- Các tiêu chí thi đua trong nội dung I của phụ lục 1 và phụ lục 4 kèm theo Quy chế này: Thưởng tối đa 30 điểm.

- Đơn vị có sáng kiến, giải pháp có phạm vi ảnh hưởng trong toàn tỉnh; có Đề tài, dự án khoa học công nghệ cấp tỉnh; tập thể, cá nhân đạt giải trong các Hội thi cấp tỉnh: Thưởng tối đa 15 điểm.

- Trưởng khối có cách làm đổi mới, sáng tạo trong tổ chức hoạt động khối thi đua: Thưởng tối đa 05 điểm.

b) Điểm trừ

- Cơ quan, đơn vị, địa phương có công chức, viên chức, người lao động bị xử lý kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên: Mỗi trường hợp bị xử lý kỷ luật trừ 02 điểm, điểm trừ tối đa không quá 10 điểm.

- Cơ quan, đơn vị, địa phương không chấp hành nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, trừ tối đa 10 điểm, cụ thể như sau: Báo cáo chậm dưới 03 lần trừ 05 điểm; báo cáo chậm từ 03 lần trở lên: trừ 10 điểm.

- Trưởng khối không ban hành các văn bản để tổ chức các hoạt động của khối: Trừ tối đa 10 điểm.

- Đơn vị thành viên không thực hiện nghiêm túc quy chế hoạt động; không tham gia đầy đủ hoặc không đúng thành phần các hoạt động do khối tổ chức; không báo cáo và thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được giao trong hoạt động khối: Trừ tối đa 10 điểm.

Điều 12. Bình xét, suy tôn, đề nghị khen thưởng

1. Việc bình xét, suy tôn, đề nghị khen thưởng của từng khối thi đua áp dụng theo hình thức lấy theo điểm thi đua đạt được thứ tự từ cao đến thấp.

2. Mỗi khối thi đua lựa chọn 01 đơn vị xuất sắc đạt điểm cao nhất và đạt từ 900 điểm trở lên (thang điểm 1000) để đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tặng danh hiệu Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh (trường hợp có từ 02 đơn vị trở lên có điểm bằng nhau sẽ tiến hành bỏ phiếu để chọn đơn vị xuất sắc dẫn đầu khối, đơn vị có số phiếu bầu đồng ý cao hơn được đề nghị tặng danh hiệu Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh).

3. Các đơn vị thành viên đạt 850 điểm trở lên (thang điểm 1000) và đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định của Luật thi đua khen thưởng và các văn bản liên quan thì khối suy tôn, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen.

4. Các trường hợp không xét thi đua

- a) Đơn vị không đăng ký và ký kết giao ước thi đua hàng năm.
- b) Đơn vị có các vụ việc tiêu cực, tham nhũng, có sai phạm trong việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.
- c) Đơn vị có tiêu chí thi đua không thực hiện hoặc có tiêu chí thi đua được đánh giá, phân loại ở mức yếu (kém).
- d) Đơn vị không gửi báo cáo sơ kết, tổng kết phong trào thi đua trong năm theo quy định.
- đ) Đơn vị không đạt tiêu chuẩn cơ quan, đơn vị văn hóa.
- e) Đơn vị có cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Ban Thường vụ Huyện ủy, Thành ủy; Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh bị xử lý kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.
- g) Đơn vị để xảy ra tai nạn lao động gây chết người.

5. Trường hợp chưa xét thi đua: Những đơn vị, địa phương có dấu hiệu vi phạm đang chờ các cơ quan có thẩm quyền kết luận.

Điều 13. Trình khen thưởng cho các đơn vị trong khối thi đua

1. Căn cứ kết quả chấm điểm và bình xét thi đua của các khối, Trưởng khối lập tờ trình đề nghị tặng danh hiệu Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh và Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho các đơn vị được khối suy tôn theo quy định.

2. Hồ sơ trình khen thưởng gồm:

- a) Tờ trình của đơn vị Trưởng khối.
- b) Biên bản họp khối thi đua.
- c) Báo cáo thành tích của đơn vị được đề nghị khen thưởng.
- d) Bảng chấm điểm thi đua của đơn vị có xác nhận của Trưởng khối.

3. Căn cứ kết quả bình xét của các khối thi đua, Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ tổng hợp báo cáo Hội đồng thi đua, khen thưởng tỉnh xem xét, cho ý kiến trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định khen thưởng.

Chương V

QUY ĐỊNH VỀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ TỔ CHỨC HỘI NGHỊ CỦA KHỐI THI ĐUA THUỘC TỈNH

Điều 14. Chế độ báo cáo

1. Báo cáo của các đơn vị thành viên trong khối

- a) Báo cáo sơ kết phong trào thi đua, công tác khen thưởng 06 tháng của các đơn vị thành viên trong khối gửi Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh và Trưởng, Phó khối chậm nhất là ngày 30 tháng 6 hàng năm.

b) Báo cáo tổng kết phong trào thi đua, công tác khen thưởng hàng năm của các đơn vị thành viên trong khối gửi Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh và Trường, Phó khối chậm nhất là ngày 15 tháng 01 năm sau.

c) Báo cáo đột xuất được thực hiện theo văn bản của Trường khối, Phó Trường khối.

2. Báo cáo của khối

a) Báo cáo sơ kết phong trào thi đua, công tác khen thưởng 06 tháng khối gửi Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh và thành viên Hội đồng thi đua, khen thưởng tỉnh phụ trách khối chậm nhất là ngày 15 tháng 7 hàng năm.

b) Báo cáo tổng kết phong trào thi đua, công tác khen thưởng hàng năm của khối gửi Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh và thành viên Hội đồng thi đua, khen thưởng tỉnh phụ trách khối chậm nhất là ngày 31 tháng 01 năm sau.

Điều 15. Các Hội nghị và kinh phí hoạt động của khối

1. Hội nghị sơ kết phong trào thi đua, công tác khen thưởng 06 tháng đầu năm.

a) Thành phần: Lãnh đạo các đơn vị thành viên trong khối; đại diện Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ; lãnh đạo và chuyên viên phụ trách công tác thi đua, khen thưởng các đơn vị thành viên; các tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến (nếu có).

b) Nội dung: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và các chỉ tiêu thi đua đã đăng ký trong 06 tháng đầu năm và bàn biện pháp triển khai nhiệm vụ 06 tháng cuối năm; trao đổi nghiệp vụ công tác thi đua, khen thưởng; giao lưu, gặp gỡ, học tập các mô hình mới, các điển hình tiên tiến.

c) Thời gian hoàn thành: Trước 15/7 hàng năm.

d) Địa điểm: Do Phó Trường khối thống nhất với Trường khối quyết định.

2. Hội nghị tổng kết phong trào thi đua, công tác khen thưởng của khối

a) Thành phần: Lãnh đạo các đơn vị thành viên; đại diện Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ tỉnh Cao Bằng; lãnh đạo và chuyên viên phụ trách công tác thi đua, khen thưởng các đơn vị thành viên; các tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến (nếu có).

b) Nội dung: Đánh giá kết quả hoạt động của khối thi đua trong năm và bàn biện pháp triển khai nhiệm vụ năm tới; thông báo kết quả đánh giá, chấm điểm, xếp loại thi đua của các đơn vị thành viên; bình xét, suy tôn đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tặng danh hiệu Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen; lựa chọn, giới thiệu và bầu Trường khối, Phó Trường khối theo chế độ luân phiên hàng năm; ký kết giao ước thi đua, phát động thi đua; phổ biến, tổ chức tham quan, giao lưu học tập các điển hình tiên tiến; cách làm hay, mới của các đơn vị trong khối thi đua (nếu có).

c) Thời gian hoàn thành: Trước 31/01 năm sau.

d) Địa điểm: Do đơn vị Trưởng khối quyết định.

3. Các hội nghị khác của khối do Trưởng khối, Phó Trưởng khối và các đơn vị thành viên trong khối thống nhất thực hiện.

4. Kinh phí tổ chức các hoạt động của khối do các đơn vị thành viên trong khối thống nhất.

Chương VI

QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG KHỐI THI ĐUA, BÌNH XÉT, SUY TÔN, ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG ĐỐI VỚI KHỐI THI ĐUA DO ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ỦY QUYỀN THÀNH LẬP

Điều 16. Hoạt động của khối thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền thành lập

Hoạt động của các khối thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thành lập thực hiện theo quy định của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

Điều 17. Việc bình xét, suy tôn đề nghị tặng danh hiệu Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Hàng năm, các khối thi đua tiến hành bình xét thi đua và lựa chọn 01 tập thể dẫn đầu khối thi đua đạt điểm cao nhất và đạt 900 điểm trở lên (thang điểm 1000) đề nghị Hội đồng thi đua, khen thưởng sở, ban, ngành, huyện, thành phố xem xét, trình Ủy ban nhân dân tỉnh tặng danh hiệu Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ).

2. Hội đồng thi đua, khen thưởng tỉnh xem xét lựa chọn, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tặng danh hiệu Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh cho đơn vị đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định.

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Điều khoản thi hành

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố được Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền thành lập khối thi đua có trách nhiệm cụ thể hóa quy định này thành Quy định tổ chức, hoạt động các khối thi đua trực thuộc; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về tổ chức và hoạt động của khối thi đua do các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức; kiểm tra, giám sát, theo dõi, chỉ đạo, xét duyệt, đề nghị khen thưởng theo quy định hiện hành.

2. Các đơn vị Trưởng khối thi đua thuộc tỉnh hàng năm có trách nhiệm báo cáo kết quả hoạt động của khối về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ).

3. Các đơn vị thành viên trong các khối thi đua có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này.

4. Giao Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Quy chế này; chủ trì việc đánh giá, tổng hợp, báo cáo Hội đồng thi đua, khen thưởng tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả hoạt động của các khối thi đua theo quy định.

5. Thành viên Hội đồng thi đua, khen thưởng tỉnh có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra các đơn vị, các khối thi đua được phân công phụ trách thực hiện nghiêm túc các quy định tại quy chế này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các đơn vị phản ánh kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ) để kịp thời xem xét, giải quyết./



Hoàng Xuân Ánh

ĐƠN VỊ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM THI ĐUA NĂM

Áp dụng đối với cụm thi đua các huyện miền Đông và cụm thi đua các huyện miền Tây
(Ban hành kèm theo Quy chế tổ chức và hoạt động của khối, cụm thi đua trên địa bàn tỉnh Cao Bằng)

STT	Tiêu chí thi đua	Kế hoạch giao (Chỉ tiêu hoặc số liệu cụ thể)	Kết quả thực hiện		Điểm tối đa	Điểm cộng tối đa	Điểm tự chấm				Điểm khởi chấm			
			Kết quả thực hiện (Số liệu cụ thể)	Tỷ lệ so với KH (%)			Điểm đạt được	Điểm cộng	Điểm trừ	Tổng điểm	Điểm đạt được	Điểm cộng	Điểm trừ	Tổng điểm
1	2	3	4	$5 = \frac{5}{4/3} \cdot 100$	6	7	8	9	10	$11 = (8+9) - 10$	12	13	14	$15 = (12+13) - 14$
I	Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch và nhiệm vụ được giao				700	30								
1	Lĩnh vực nông, lâm nghiệp				60	10								
1.1	Tổng sản lượng lương thực có hạt (Tính theo chỉ tiêu giao: Đạt kế hoạch được 20 điểm; cứ vượt 01% kế hoạch được cộng 01 điểm; cứ không đạt 01% kế hoạch trừ 01 điểm; điểm cộng hoặc trừ không quá 05 điểm)				20	5								

STT	Tiêu chí thi đua	Kế hoạch giao (Chỉ tiêu hoặc số liệu cụ thể)	Kết quả thực hiện		Điểm tối đa	Điểm cộng tối đa	Điểm tự chấm				Điểm khối chấm				
			Kết quả thực hiện (Số liệu cụ thể)	Tỷ lệ so với KH (%)			Điểm đạt được	Điểm cộng	Điểm trừ	Tổng điểm	Điểm đạt được	Điểm cộng	Điểm trừ	Tổng điểm	
1.2	Giá trị sản xuất nông nghiệp (Tính theo chỉ tiêu giao: Đạt kế hoạch được 20 điểm; cứ vượt 01% kế hoạch được cộng 01 điểm; cứ không đạt 01% kế hoạch trừ 01 điểm; điểm cộng hoặc trừ không quá 05 điểm)				20	5									
1.3	Tỷ lệ che phủ rừng (Tính theo chỉ tiêu giao: Đạt kế hoạch được 20 điểm; cứ không đạt 01% kế hoạch trừ 01 điểm; điểm trừ không quá 05 điểm; không có điểm cộng)				20										
2	Giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp (Tính theo chỉ tiêu giao: Đạt kế hoạch được 30 điểm; cứ vượt 01% kế hoạch được cộng 01 điểm; cứ không đạt 01% kế hoạch trừ 01 điểm; điểm cộng hoặc trừ không quá 05 điểm)				30	5									
3	Đảm bảo vệ sinh, môi trường (Thực hiện tốt: 30 điểm; khá: 20 điểm; trung bình: 15 điểm)				30										

STT	Tiêu chí thi đua	Kế hoạch giao (Chỉ tiêu hoặc số liệu cụ thể)	Kết quả thực hiện		Điểm tối đa	Điểm cộng tối đa	Điểm tự chấm				Điểm khởi chấm			
			Kết quả thực hiện (Số liệu cụ thể)	Tỷ lệ so với KH (%)			Điểm đạt được	Điểm cộng	Điểm trừ	Tổng điểm	Điểm đạt được	Điểm cộng	Điểm trừ	Tổng điểm
4	Thực hiện thu ngân sách trên địa bàn (Tính theo chỉ tiêu giao: Đạt kế hoạch được 100 điểm; cứ vượt 01% kế hoạch được cộng 01 điểm; cứ không đạt 01% kế hoạch trừ 01 điểm; điểm cộng hoặc trừ không quá 05 điểm)				100	5								
5	Tỷ lệ xã đạt chuẩn quốc gia về y tế (Tính theo chỉ tiêu giao: Đạt kế hoạch được 30 điểm; cứ không đạt 01% kế hoạch trừ 01 điểm; điểm trừ không quá 05 điểm; không có điểm cộng)				30									
6	Giảm tỷ suất sinh trên địa bàn (Tính theo chỉ tiêu giao: Đạt kế hoạch được 30 điểm; cứ không đạt 01% kế hoạch trừ 01 điểm; điểm trừ không quá 05 điểm; không có điểm cộng)				30									
7	Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia (Tính theo chỉ tiêu giao: Đạt kế hoạch được 40 điểm; cứ không đạt 01% kế hoạch trừ 01 điểm; điểm trừ không quá 05 điểm; không có điểm cộng)				40									
8	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị văn hóa (Tính theo chỉ tiêu giao: Đạt kế hoạch được 20 điểm; cứ không đạt 01% kế hoạch trừ 01 điểm; điểm trừ không quá 05 điểm; không có điểm cộng)				20									

STT	Tiêu chí thi đua	Kế hoạch giao (Chỉ tiêu hoặc số liệu cụ thể)	Kết quả thực hiện		Điểm tối đa	Điểm cộng tối đa	Điểm tự chấm				Điểm khối chấm			
			Kết quả thực hiện (Số liệu cụ thể)	Tỷ lệ so với KH (%)			Điểm đạt được	Điểm cộng	Điểm trừ	Tổng điểm	Điểm đạt được	Điểm cộng	Điểm trừ	Tổng điểm
9	Tỷ lệ xóm, tổ dân phố văn hóa (Tính theo chỉ tiêu giao: Đạt kế hoạch được 20 điểm; cứ không đạt 01% kế hoạch trừ 01 điểm; điểm trừ không quá 05 điểm; không có điểm cộng)				20									
10	Tỷ lệ gia đình văn hóa (Tính theo chỉ tiêu giao: Đạt kế hoạch được 20 điểm; cứ không đạt 01% kế hoạch trừ 01 điểm; điểm trừ không quá 05 điểm; không có điểm cộng)				20									
11	Giảm tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn (Tính theo chỉ tiêu giao: Đạt kế hoạch được 30 điểm; cứ vượt 01% kế hoạch được cộng 01 điểm; cứ không đạt 01% kế hoạch trừ 01 điểm; điểm cộng hoặc trừ không quá 05 điểm)				30	5								
12	Giải quyết việc làm cho người lao động (Tính theo chỉ tiêu giao: Đạt kế hoạch được 30 điểm; cứ không đạt 01% kế hoạch trừ 01 điểm; điểm trừ không quá 05 điểm; không có điểm cộng)				30									
13	Đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội (Thực hiện tốt: 20 điểm; khá: 15 điểm; trung bình: 10 điểm)				20									

STT	Tiêu chí thi đua	Kế hoạch giao (Chỉ tiêu hoặc số liệu cụ thể)	Kết quả thực hiện		Điểm tối đa	Điểm cộng tối đa	Điểm tự chấm				Điểm khối chấm				
			Kết quả thực hiện (Số liệu cụ thể)	Tỷ lệ so với KH (%)			Điểm đạt được	Điểm cộng	Điểm trừ	Tổng điểm	Điểm đạt được	Điểm cộng	Điểm trừ	Tổng điểm	
14	Công tác tuyển quân và quân sự địa phương (Thực hiện tốt: 20 điểm; khá: 15 điểm; trung bình: 10 điểm)				20										
15	Thực hiện an toàn giao thông (Bảng năm trước được 20 điểm; giảm 03 tiêu chí được cộng 05 điểm; giảm 02 tiêu chí được cộng 03 điểm; giảm 01 tiêu chí được cộng 01 điểm; tăng 03 tiêu chí trừ 05 điểm; tăng 02 tiêu chí trừ 03 điểm; tăng 01 tiêu chí trừ 01 điểm)				20	5									
16	Thực hiện cải cách hành chính (Thực hiện theo điểm đánh giá của tỉnh và được quy đổi tương ứng với điểm tối đa)				200										
II	Thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị				150										
1	Thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí (Thực hiện tốt: 30 điểm; khá: 20 điểm; trung bình: 15 điểm)				30										

STT	Tiêu chí thi đua	Kế hoạch giao (Chỉ tiêu hoặc số liệu cụ thể)	Kết quả thực hiện		Điểm tối đa	Điểm cộng tối đa	Điểm tự chấm				Điểm khối chấm			
			Kết quả thực hiện (Số liệu cụ thể)	Tỷ lệ so với KH (%)			Điểm đạt được	Điểm cộng	Điểm trừ	Tổng điểm	Điểm đạt được	Điểm cộng	Điểm trừ	Tổng điểm
2	Tổ chức triển khai việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh (Thực hiện tốt: 30 điểm; khá: 20 điểm; trung bình: 15 điểm)				30									
3	Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh (Có từ 50% TCCSD trở lên đạt TSVM được 30 điểm; dưới 50% TCCSD đạt TSVM thì được quy đổi tương ứng với điểm tối đa)				30									
4	Tỷ lệ tổ chức đoàn thể vững mạnh (Có từ 80% tổ chức đoàn thể trở lên đạt vững mạnh được 30 điểm; dưới 80% tổ chức đoàn thể đạt vững mạnh thì được quy đổi tương ứng với điểm tối đa)				30									
5	Thực hiện đạt chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới theo Nghị quyết Hội đồng nhân dân huyện (Đạt chỉ tiêu được: 30 điểm; cứ 01 chỉ tiêu không đạt trừ 01 điểm; điểm trừ không quá 10 điểm; không có điểm cộng)				30									

STT	Tiêu chí thi đua	Kế hoạch giao (Chỉ tiêu hoặc số liệu cụ thể)	Kết quả thực hiện		Điểm tối đa	Điểm cộng tối đa	Điểm tự chấm				Điểm khởi chấm				
			Kết quả thực hiện (Số liệu cụ thể)	Tỷ lệ so với KH (%)			Điểm đạt được	Điểm cộng	Điểm trừ	Tổng điểm	Điểm đạt được	Điểm cộng	Điểm trừ	Tổng điểm	
III	Công tác thi đua, khen thưởng				100										
1	Tổ chức tuyên truyền, quán triệt kịp thời, có hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và chỉ đạo của cấp trên về công tác thi đua, khen thưởng <i>(Thực hiện tốt: 10 điểm; khá: 07 điểm; trung bình: 05 điểm)</i>				10										
2	Ban hành các văn bản chỉ đạo công tác thi đua, khen thưởng kịp thời, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương <i>(Thực hiện tốt: 10 điểm; khá: 07 điểm; trung bình: 05 điểm)</i>				10										
3	Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các phong trào thi đua do Chủ tịch UBND tỉnh, các ngành, các cấp phát động và các đợt thi đua do địa phương phát động trong năm <i>(Thực hiện tốt: 20 điểm; khá: 15 điểm; trung bình: 10 điểm)</i>				20										

STT	Tiêu chí thi đua	Kế hoạch giao (Chỉ tiêu hoặc số liệu cụ thể)	Kết quả thực hiện		Điểm tối đa	Điểm cộng tối đa	Điểm tự chấm				Điểm khởi chấm				
			Kết quả thực hiện (Số liệu cụ thể)	Tỷ lệ so với KH (%)			Điểm đạt được	Điểm cộng	Điểm trừ	Tổng điểm	Điểm đạt được	Điểm cộng	Điểm trừ	Tổng điểm	
4	Ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác thi đua, khen thưởng <i>(Có thủ tục hành chính về thi đua, khen thưởng thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 hoặc mức độ 4: 05 điểm; có đăng tải các thông tin về công tác thi đua, khen thưởng các cấp hoặc có các gương điển hình tiên tiến được tuyên truyền trên trang thông tin điện tử của đơn vị, địa phương, trên các phương tiện thông tin đại chúng: 05 điểm)</i>				10										
5	Công tác phát hiện và bồi dưỡng, nhân rộng điển hình tiên tiến				20										
5.1	Có giải pháp, biện pháp trong việc phát hiện, xây dựng và nhân rộng điển hình tiên tiến của đơn vị, địa phương và tổ chức hội nghị biểu dương hoặc tổ chức lồng ghép trong các cuộc họp, hội nghị của cơ quan				10										
5.2	Có điển hình, mô hình mới, tiêu biểu được biểu dương, tuyên truyền: Có việc làm cụ thể tuyên truyền về điển hình tiên tiến trên trang thông tin điện tử của đơn vị hoặc trên báo, đài hoặc hàng tháng giới thiệu ít nhất 01 gương điển hình tiên tiến về Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ				10										
6	Công tác khen thưởng				20										
6.1	Hồ sơ đề nghị khen thưởng				10										

STT	Tiêu chí thi đua	Kế hoạch giao (Chỉ tiêu hoặc số liệu cụ thể)	Kết quả thực hiện		Điểm tối đa	Điểm cộng tối đa	Điểm tự chấm				Điểm khởi chấm				
			Kết quả thực hiện (Số liệu cụ thể)	Tỷ lệ so với KH (%)			Điểm đạt được	Điểm cộng	Điểm trừ	Tổng điểm	Điểm đạt được	Điểm cộng	Điểm trừ	Tổng điểm	
	100% hồ sơ đề nghị cấp trên khen thưởng được duyệt				10										
	Có từ dưới 10% hồ sơ đề nghị cấp trên bị trả lại do không thực hiện đúng quy định				5										
	Có từ trên 11% hồ sơ đề nghị cấp trên bị trả lại do không thực hiện đúng quy định				2										
6.2	Tỷ lệ khen thưởng (đối với đề nghị khen thưởng cấp tỉnh trở lên) cho công nhân, nông dân, người lao động trực tiếp; công chức, viên chức (không giữ chức vụ lãnh đạo quản lý) (Bằng 30% trở lên tổng số hồ sơ đề nghị khen thưởng của năm liền kề trước đó: 05 điểm; dưới 30% so với tổng số hồ sơ đề nghị khen thưởng của năm liền kề trước đó thì quy đổi tương ứng với điểm tối đa)				5										
6.3	Nộp hồ sơ trình khen thưởng (Đúng thời gian quy định: 05 điểm; không đúng thời gian quy định: 0 điểm)				5										
7	Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng theo thẩm quyền tại đơn vị (Đúng quy định: 05 điểm; không đúng quy định: 0 điểm)				5										

STT	Tiêu chí thi đua	Kế hoạch giao (Chỉ tiêu hoặc số liệu cụ thể)	Kết quả thực hiện		Điểm tối đa	Điểm cộng tối đa	Điểm tự chấm				Điểm khối chấm				
			Kết quả thực hiện (Số liệu cụ thể)	Tỷ lệ so với KH (%)			Điểm đạt được	Điểm cộng	Điểm trừ	Tổng điểm	Điểm đạt được	Điểm cộng	Điểm trừ	Tổng điểm	
8	Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo 06 tháng, năm và các văn bản khác về công tác thi đua, khen thưởng <i>(Báo cáo đầy đủ, đúng hạn theo quy định: 05 điểm; báo cáo không đầy đủ hoặc không đúng hạn: 0 điểm)</i>				5										
IV	Điểm thưởng					20									
1	Có sáng kiến, giải pháp có phạm vi ảnh hưởng trong toàn tỉnh; có Đề tài, dự án khoa học công nghệ cấp tỉnh; tập thể, cá nhân đạt giải trong các Hội thi cấp tỉnh					15									
2	Trưởng khối có cách làm đổi mới, sáng tạo trong tổ chức hoạt động của khối thi đua					5									
	TỔNG ĐIỂM				950	50									

ĐƠN VỊ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM THI ĐUA NĂM

**Áp dụng đối với khối các cơ quan tham mưu tổng hợp; khối các cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa xã hội;
khối các cơ quan quản lý về kinh tế - kỹ thuật**

(Ban hành kèm theo Quy chế tổ chức và hoạt động của khối, cụm thi đua trên địa bàn tỉnh Cao Bằng)

STT	Tiêu chí thi đua	Kế hoạch giao (Chỉ tiêu hoặc số liệu cụ thể)	Kết quả thực hiện		Điểm tối đa	Điểm cộng tối đa	Điểm tự chấm				Điểm khối chấm			
			Kết quả thực hiện (Số liệu cụ thể)	Tỷ lệ so với KH (%)			Điểm đạt được	Điểm cộng	Điểm trừ	Tổng điểm	Điểm đạt được	Điểm cộng	Điểm trừ	Tổng điểm
1	2	3	4	5 = $\frac{5}{4/3 \cdot 100}$	6	7	8	9	10	11 = $\frac{11}{(8+9)-10}$	12	13	14	15 = $\frac{15}{(12+13)-14}$
I	Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn				730									
1	Xây dựng các văn bản theo Chương trình, Kế hoạch của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh; Kế hoạch công tác của cơ quan, đơn vị <i>(Thực hiện tốt: 100 điểm; khá: 70 điểm; trung bình: 50 điểm)</i>				100									

STT	Tiêu chí thi đua	Kế hoạch giao (Chỉ tiêu hoặc số liệu cụ thể)	Kết quả thực hiện		Điểm tối đa	Điểm cộng tối đa	Điểm tự chấm				Điểm khối chấm			
			Kết quả thực hiện (Số liệu cụ thể)	Tỷ lệ so với KH (%)			Điểm đạt được	Điểm cộng	Điểm trừ	Tổng điểm	Điểm đạt được	Điểm cộng	Điểm trừ	Tổng điểm
1	2	3	4	$5 = 4/3 * 100$	6	7	8	9	10	$11 = (8+9) - 10$	12	13	14	$15 = (12+13) - 14$
2	Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo ngành, lĩnh vực; công tác chỉ đạo, kiểm tra, phối hợp về chuyên môn theo quy định, chỉ tiêu kế hoạch do cấp trên giao				430									
2.1	...													
2.2	...													
3	Thực hiện cải cách hành chính (Thực hiện theo điểm đánh giá của tỉnh và được quy đổi tương ứng với điểm tối đa) Đối với các đơn vị không thuộc đối tượng đánh giá chỉ số cải cách hành chính của tỉnh thì đánh giá kết quả thực hiện các nội dung cải cách thủ tục hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao hoạt động của các cơ quan, đơn vị (Thực hiện tốt: 100 điểm; khá: 70 điểm; trung bình: 50 điểm (số điểm còn lại của tiêu chí này chuyển về tiêu chí thực hiện chức năng nhiệm vụ, được giao - tiêu chí số 2)				200									

STT	Tiêu chí thi đua	Kế hoạch giao (Chỉ tiêu hoặc số liệu cụ thể)	Kết quả thực hiện		Điểm tối đa	Điểm cộng tối đa	Điểm tự chấm				Điểm khởi chấm			
			Kết quả thực hiện (Số liệu cụ thể)	Tỷ lệ so với KH (%)			Điểm đạt được	Điểm cộng	Điểm trừ	Tổng điểm	Điểm đạt được	Điểm cộng	Điểm trừ	Tổng điểm
1	2	3	4	5 = $\frac{5}{4/3} \cdot 100$	6	7	8	9	10	11 = $(8+9) - 10$	12	13	14	15 = $(12+13) - 14$
II	Thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị				150									
1	Thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí (Thực hiện tốt: 30 điểm; khá: 20 điểm; trung bình: 15 điểm)				30									
2	Tổ chức triển khai việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh (Thực hiện tốt: 30 điểm; khá: 20 điểm; trung bình: 15 điểm)				30									
3	Kết quả đánh giá, phân loại tổ chức cơ sở đảng (Trong sạch, vững mạnh: 30 điểm; hoàn thành tốt nhiệm vụ: 20 điểm; hoàn thành nhiệm vụ: 15 điểm)				30									
4	Kết quả đánh giá, phân loại tổ chức đoàn thể (Công đoàn và Đoàn thanh niên) (Vững mạnh: 30 điểm; khá: 20 điểm; trung bình: 15 điểm)				30									

STT	Tiêu chí thi đua	Kế hoạch giao (Chỉ tiêu hoặc số liệu cụ thể)	Kết quả thực hiện		Điểm tối đa	Điểm cộng tối đa	Điểm tự chấm				Điểm khởi chấm			
			Kết quả thực hiện (Số liệu cụ thể)	Tỷ lệ so với KH (%)			Điểm đạt được	Điểm cộng	Điểm trừ	Tổng điểm	Điểm đạt được	Điểm cộng	Điểm trừ	Tổng điểm
1	2	3	4	5 = $4/3 * 100$	6	7	8	9	10	11 = $(8+9) - 10$	12	13	14	15 = $(12+13) - 14$
5	Tham gia đóng góp các loại quỹ do tình phát động (Đóng góp đầy đủ và đúng thời gian quy định: 15 điểm; đóng góp không đầy đủ các loại quỹ hoặc không đúng thời gian quy định: 10 điểm)				15									
6	Thực hiện phong trào thi đua "Cao Bằng chung sức xây dựng nông thôn mới": - Đối với đơn vị được phân công phụ trách giúp đỡ xã trong xây dựng nông thôn mới: Có Tổ công tác của đơn vị; có Kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả. - Đối với những đơn vị chưa được phân công phụ trách và giúp đỡ: Có việc làm, hành động cụ thể, thiết thực (nộp quỹ xây dựng nông thôn mới không được tính điểm ở mục này) (Thực hiện tốt: 15 điểm; khá: 10 điểm; trung bình: 05 điểm)				15									
III	Công tác thi đua, khen thưởng				100									

STT	Tiêu chí thi đua	Kế hoạch giao (Chỉ tiêu hoặc số liệu cụ thể)	Kết quả thực hiện		Điểm tối đa	Điểm cộng tối đa	Điểm tự chấm				Điểm khởi chấm			
			Kết quả thực hiện (Số liệu cụ thể)	Tỷ lệ so với KH (%)			Điểm đạt được	Điểm cộng	Điểm trừ	Tổng điểm	Điểm đạt được	Điểm cộng	Điểm trừ	Tổng điểm
1	2	3	4	$5 = \frac{5}{4/3} * 100$	6	7	8	9	10	$11 = (8+9) - 10$	12	13	14	$15 = (12+13) - 14$
1	Ban hành các văn bản chỉ đạo công tác thi đua, khen thưởng kịp thời, phù hợp với tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị (Thực hiện tốt: 15 điểm; khá: 10 điểm; trung bình: 07 điểm)				15									
2	Tổ chức triển khai thực hiện các phong trào thi đua do Chủ tịch UBND tỉnh, các ngành, các cấp phát động và các đợt thi đua do cơ quan, đơn vị phát động (Thực hiện tốt: 15 điểm; khá: 10 điểm; trung bình: 07 điểm)				15									
3	Đăng ký thi đua với UBND tỉnh và tổ chức đăng ký thi đua cho các tập thể, cá nhân thuộc đơn vị (Có văn bản đăng ký thi đua với UBND tỉnh và tổ chức đăng ký thi đua cho các tập thể, cá nhân thuộc đơn vị: 10 điểm; không có văn bản đăng ký thi đua với UBND tỉnh hoặc không tổ chức đăng ký thi đua cho các tập thể, cá nhân thuộc đơn vị: 0 điểm)				10									

STT	Tiêu chí thi đua	Kế hoạch giao (Chỉ tiêu hoặc số liệu cụ thể)	Kết quả thực hiện		Điểm tối đa	Điểm cộng tối đa	Điểm tự chấm				Điểm khởi chấm			
			Kết quả thực hiện (Số liệu cụ thể)	Tỷ lệ so với KH (%)			Điểm đạt được	Điểm cộng	Điểm trừ	Tổng điểm	Điểm đạt được	Điểm cộng	Điểm trừ	Tổng điểm
1	2	3	4	$5 = \frac{5}{4/3} \cdot 100$	6	7	8	9	10	$11 = (8+9) - 10$	12	13	14	$15 = (12+13) - 14$
4	<p>Ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác thi đua, khen thưởng</p> <p><i>(Có thủ tục hành chính về thi đua, khen thưởng thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 hoặc mức độ 4: 05 điểm; có đăng tải các thông tin về công tác thi đua, khen thưởng các cấp hoặc có các gương điển hình tiên tiến được tuyên truyền trên trang thông tin điện tử của đơn vị, địa phương, trên các phương tiện thông tin đại chúng: 05 điểm)</i></p>				10									
5	Công tác phát hiện và bồi dưỡng, nhân rộng điển hình tiên tiến				20									
5.1	Có giải pháp, biện pháp trong việc phát hiện, xây dựng và nhân rộng điển hình tiên tiến của đơn vị, địa phương và tổ chức hội nghị biểu dương hoặc tổ chức lồng ghép trong các cuộc họp, hội nghị của cơ quan				10									

STT	Tiêu chí thi đua	Kế hoạch giao (Chỉ tiêu hoặc số liệu cụ thể)	Kết quả thực hiện		Điểm tối đa	Điểm cộng tối đa	Điểm tự chấm				Điểm khởi chấm			
			Kết quả thực hiện (Số liệu cụ thể)	Tỷ lệ so với KH (%)			Điểm đạt được	Điểm cộng	Điểm trừ	Tổng điểm	Điểm đạt được	Điểm cộng	Điểm trừ	Tổng điểm
1	2	3	4	$S = \frac{4}{3} * 100$	6	7	8	9	10	$\frac{11}{(8+9)-10}$	12	13	14	$\frac{15}{(12+13)-14}$
5.2	Có điển hình, mô hình mới, tiêu biểu được biểu dương, tuyên truyền: Có việc làm cụ thể tuyên truyền về điển hình tiên tiến trên trang thông tin điện tử của đơn vị hoặc trên báo, đài hoặc hàng tháng giới thiệu ít nhất 01 gương điển hình tiên tiến về Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ				10									
6	Công tác khen thưởng				20									
6.1	Hồ sơ đề nghị khen thưởng				10									
	100% hồ sơ đề nghị cấp trên khen thưởng được duyệt				10									
	Có từ dưới 10% hồ sơ đề nghị cấp trên bị trả lại do không thực hiện đúng quy định				5									
	Có từ trên 11% hồ sơ đề nghị cấp trên bị trả lại do không thực hiện đúng quy định				2									

STT	Tiêu chí thi đua	Kế hoạch giao (Chỉ tiêu hoặc số liệu cụ thể)	Kết quả thực hiện		Điểm tối đa	Điểm cộng tối đa	Điểm tự chấm				Điểm khởi chấm			
			Kết quả thực hiện (Số liệu cụ thể)	Tỷ lệ so với KH (%)			Điểm đạt được	Điểm cộng	Điểm trừ	Tổng điểm	Điểm đạt được	Điểm cộng	Điểm trừ	Tổng điểm
1	2	3	4	$\frac{5}{4/3 \cdot 100}$	6	7	8	9	10	$\frac{11}{(8+9)-10}$	12	13	14	$\frac{15}{(12+13)-14}$
6.2	Tỷ lệ khen thưởng (đối với đề nghị khen thưởng cấp tỉnh trở lên) cho công chức, viên chức (không giữ chức vụ lãnh đạo quản lý) (Bằng 30% trở lên tổng số hồ sơ đề nghị khen thưởng của năm liền kề trước đó: 05 điểm; dưới 30% so với tổng số hồ sơ đề nghị khen thưởng của năm liền kề trước đó thì quy đổi tương ứng với điểm tối đa)				5									
6.3	Nộp hồ sơ trình khen thưởng (Đúng thời gian quy định: 05 điểm; không đúng thời gian quy định: 0 điểm)				5									
7	Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng theo thẩm quyền (Đúng quy định: 05 điểm; không đúng quy định: 0 điểm)				5									
8	Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo 06 tháng, năm và các văn bản khác về công tác thi đua, khen thưởng (Báo cáo đầy đủ, đúng hạn theo quy định: 05 điểm; báo cáo không đầy đủ hoặc không đúng hạn: 0 điểm)				5									

STT	Tiêu chí thi đua	Kế hoạch giao (Chỉ tiêu hoặc số liệu cụ thể)	Kết quả thực hiện		Điểm tối đa	Điểm cộng tối đa	Điểm tự chấm				Điểm khởi chấm			
			Kết quả thực hiện (Số liệu cụ thể)	Tỷ lệ so với KH (%)			Điểm đạt được	Điểm cộng	Điểm trừ	Tổng điểm	Điểm đạt được	Điểm cộng	Điểm trừ	Tổng điểm
1	2	3	4	$5 = \frac{5}{4/3} * 100$	6	7	8	9	10	$11 = (8+9) - 10$	12	13	14	$15 = (12+13) - 14$
IV	Điểm thưởng					20								
1	Có sáng kiến, giải pháp có phạm vi ảnh hưởng trong toàn tỉnh; có Đề tài, dự án khoa học công nghệ cấp tỉnh; tập thể, cá nhân đạt giải trong các Hội thi cấp tỉnh					15								
2	Trưởng khối có cách làm đổi mới, sáng tạo trong tổ chức hoạt động của khối thi đua					5								
	TỔNG ĐIỂM					980								

ĐƠN VỊ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM THI ĐUA NĂM

Áp dụng đối với khối các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; khối các cơ quan nội chính; khối các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp; khối các cơ quan trung ương đóng trên địa bàn; khối các ngân hàng; khối các trường chuyên nghiệp, cao đẳng

Riêng Sở Tư pháp (thuộc khối các cơ quan nội chính) áp dụng theo bảng tiêu chí chấm điểm thi đua tại phụ lục 2

(Ban hành kèm theo Quy chế tổ chức và hoạt động của khối, cụm thi đua trên địa bàn tỉnh Cao Bằng)

STT	Tiêu chí thi đua	Kế hoạch giao (Chỉ tiêu hoặc số liệu cụ thể)	Kết quả thực hiện		Điểm tối đa	Điểm cộng tối đa	Điểm tự chấm				Điểm khối chấm			
			Kết quả thực hiện (Số liệu cụ thể)	Tỷ lệ so với KH (%)			Điểm đạt được	Điểm cộng	Điểm trừ	Tổng điểm	Điểm đạt được	Điểm cộng	Điểm trừ	Tổng điểm
1	2	3	4	5 = $\frac{5}{4/3} \cdot 100$	6	7	8	9	10	11 = $(8+9) \cdot 10$	12	13	14	15 = $(12+13) - 14$
I	Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn				730									
1	Xây dựng các văn bản theo Chương trình, Kế hoạch của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh; Kế hoạch công tác năm của cơ quan, đơn vị đảm bảo chất lượng và đúng tiến độ <i>(Thực hiện tốt: 100 điểm; khá: 70 điểm; trung bình: 50 điểm)</i>				100									

STT	Tiêu chí thi đua	Kế hoạch giao (Chỉ tiêu hoặc số liệu cụ thể)	Kết quả thực hiện		Điểm tối đa	Điểm cộng tối đa	Điểm tự chấm				Điểm khối chấm			
			Kết quả thực hiện (Số liệu cụ thể)	Tỷ lệ so với KH (%)			Điểm đạt được	Điểm cộng	Điểm trừ	Tổng điểm	Điểm đạt được	Điểm cộng	Điểm trừ	Tổng điểm
1	2	3	4	5 = $4/3 \cdot 100$	6	7	8	9	10	11 = $(8+9)-10$	12	13	14	15 = $(12+13)-14$
2	Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo ngành lĩnh vực; công tác chỉ đạo, kiểm tra, phối hợp về chuyên môn theo quy định, chỉ tiêu kế hoạch do cấp trên giao				580									
2.1	...													
2.2	...													
3	Thực hiện cải cách hành chính (Đánh giá kết quả thực hiện các nội dung cải cách thủ tục hành chính, cải cách tư pháp và ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao hoạt động của các cơ quan, đơn vị) (Thực hiện tốt: 50 điểm; khá: 35 điểm; trung bình: 25 điểm)				50									
II	Thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị				150									
1	Thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí (Thực hiện tốt: 30 điểm; khá: 20 điểm; trung bình: 15 điểm)				30									

STT	Tiêu chí thi đua	Kế hoạch giao (Chỉ tiêu hoặc số liệu cụ thể)	Kết quả thực hiện		Điểm tối đa	Điểm cộng tối đa	Điểm tự chấm				Điểm khối chấm			
			Kết quả thực hiện (Số liệu cụ thể)	Tỷ lệ so với KH (%)			Điểm đạt được	Điểm cộng	Điểm trừ	Tổng điểm	Điểm đạt được	Điểm cộng	Điểm trừ	Tổng điểm
1	2	3	4	5 = $4/3 * 100$	6	7	8	9	10	11 = $(8+9)-10$	12	13	14	15 = $(12+13)-14$
2	Tổ chức triển khai việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh (Thực hiện tốt: 30 điểm; khá: 20 điểm; trung bình: 15 điểm)				30									
3	Kết quả đánh giá, phân loại tổ chức cơ sở đảng (Trong sạch, vững mạnh: 30 điểm; hoàn thành tốt nhiệm vụ: 20 điểm; hoàn thành nhiệm vụ: 15 điểm) (Đối với đơn vị không có tổ chức cơ sở đảng thì lấy kết quả phân loại đảng viên nơi cư trú đối với lãnh đạo đơn vị)				30									
4	Kết quả đánh giá, phân loại tổ chức đoàn thể (Công đoàn và Đoàn thanh niên) (Vững mạnh: 30 điểm; khá: 20 điểm; trung bình: 15 điểm) (Đối với đơn vị không có tổ chức đoàn thể thì điểm của tiêu chí này chuyển sang các tiêu chí khác trong nội dung II và được các thành viên trong khối thống nhất)				30									

STT	Tiêu chí thi đua	Kế hoạch giao (Chỉ tiêu hoặc số liệu cụ thể)	Kết quả thực hiện		Điểm tối đa	Điểm cộng tối đa	Điểm tự chấm				Điểm khối chấm			
			Kết quả thực hiện (Số liệu cụ thể)	Tỷ lệ so với KH (%)			Điểm đạt được	Điểm cộng	Điểm trừ	Tổng điểm	Điểm đạt được	Điểm cộng	Điểm trừ	Tổng điểm
1	2	3	4	5 = $\frac{5}{4/3} \cdot 100$	6	7	8	9	10	11 = $(8+9)-10$	12	13	14	15 = $(12+13)-14$
5	Tham gia đóng góp các loại quỹ do tình phát động (Đóng góp đầy đủ và đúng thời gian quy định: 15 điểm; đóng góp không đầy đủ các loại quỹ, không đúng thời gian quy định: 10 điểm)				15									
6	Thực hiện phong trào thi đua "Cao Bằng chung sức xây dựng nông thôn mới": - Đối với đơn vị được phân công phụ trách giúp đỡ xã trong xây dựng nông thôn mới: Có Tổ công tác của đơn vị; có Kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả. - Đối với những đơn vị chưa được phân công phụ trách và giúp đỡ: Có việc làm, hành động cụ thể, thiết thực (nộp quỹ xây dựng nông thôn mới không được tính điểm ở mục này) (Thực hiện tốt: 15 điểm; khá: 10 điểm; trung bình: 05 điểm)				15									
III	Công tác thi đua, khen thưởng				100									
1	Ban hành các văn bản chỉ đạo công tác thi đua, khen thưởng kịp thời, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương (Thực hiện tốt: 15 điểm; khá: 10 điểm; trung bình: 07 điểm)				15									

STT	Tiêu chí thi đua	Kế hoạch giao (Chỉ tiêu hoặc số liệu cụ thể)	Kết quả thực hiện		Điểm tối đa	Điểm cộng tối đa	Điểm tự chấm				Điểm khởi chấm			
			Kết quả thực hiện (Số liệu cụ thể)	Tỷ lệ so với KH (%)			Điểm đạt được	Điểm cộng	Điểm trừ	Tổng điểm	Điểm đạt được	Điểm cộng	Điểm trừ	Tổng điểm
1	2	3	4	5 = $4/3 * 100$	6	7	8	9	10	11 = $(8+9)-10$	12	13	14	15 = $(12+13)-14$
2	Tổ chức triển khai thực hiện các phong trào thi đua do Chủ tịch UBND tỉnh, các ngành, các cấp phát động và các đợt thi đua do địa phương phát động trong năm (Thực hiện tốt: 15 điểm; khá: 10 điểm; trung bình: 07 điểm)				15									
3	Đăng ký thi đua với UBND tỉnh và tổ chức đăng ký thi đua cho các tập thể, cá nhân thuộc đơn vị (Có văn bản đăng ký thi đua với UBND tỉnh và tổ chức đăng ký thi đua cho các tập thể, cá nhân thuộc đơn vị: 10 điểm; không có văn bản đăng ký thi đua với UBND tỉnh hoặc không tổ chức đăng ký thi đua cho các tập thể, cá nhân thuộc đơn vị: 0 điểm)				10									

STT	Tiêu chí thi đua	Kế hoạch giao (Chỉ tiêu hoặc số liệu cụ thể)	Kết quả thực hiện		Điểm tối đa	Điểm cộng tối đa	Điểm tự chấm				Điểm khối chấm			
			Kết quả thực hiện (Số liệu cụ thể)	Tỷ lệ so với KH (%)			Điểm đạt được	Điểm cộng	Điểm trừ	Tổng điểm	Điểm đạt được	Điểm cộng	Điểm trừ	Tổng điểm
1	2	3	4	$5 = \frac{4}{3} * 100$	6	7	8	9	10	$11 = (8+9) - 10$	12	13	14	$15 = (12+13) - 14$
4	Ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác thi đua, khen thưởng <i>(Có thủ tục hành chính về thi đua, khen thưởng thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 hoặc mức độ 4: 05 điểm; có đăng tải các thông tin về công tác thi đua, khen thưởng các cấp hoặc có các gương điển hình tiên tiến được tuyên truyền trên trang thông tin điện tử của đơn vị, địa phương, trên các phương tiện thông tin đại chúng: 05 điểm)</i>				10									
5	Công tác phát hiện và bồi dưỡng, nhân rộng điển hình tiên tiến				20									
5.1	Có giải pháp, biện pháp trong việc phát hiện, xây dựng và nhân rộng điển hình tiên tiến của đơn vị, địa phương và tổ chức hội nghị biểu dương hoặc tổ chức lồng ghép trong các cuộc họp, hội nghị của cơ quan				10									
5.2	Có điển hình, mô hình mới, tiêu biểu được biểu dương, tuyên truyền: Có việc làm cụ thể tuyên truyền về điển hình tiên tiến trên trang thông tin điện tử của đơn vị hoặc trên báo, đài hoặc hàng tháng giới thiệu ít nhất 01 gương điển hình tiên tiến về Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ				10									

STT	Tiêu chí thi đua	Kế hoạch giao (Chỉ tiêu hoặc số liệu cụ thể)	Kết quả thực hiện		Điểm tối đa	Điểm cộng tối đa	Điểm tự chấm				Điểm khối chấm			
			Kết quả thực hiện (Số liệu cụ thể)	Tỷ lệ so với KH (%)			Điểm đạt được	Điểm cộng	Điểm trừ	Tổng điểm	Điểm đạt được	Điểm cộng	Điểm trừ	Tổng điểm
1	2	3	4	5 = $4/3 * 100$	6	7	8	9	10	11 = $(8+9)-10$	12	13	14	15 = $(12+13)-14$
6	Công tác khen thưởng				20									
6.1	Hồ sơ đề nghị khen thưởng				10									
	100% hồ sơ đề nghị cấp trên khen thưởng được duyệt				10									
	Có từ dưới 10% hồ sơ đề nghị cấp trên bị trả lại do không thực hiện đúng quy định				5									
	Có từ trên 11% hồ sơ đề nghị cấp trên bị trả lại do không thực hiện đúng quy định				2									
6.2	Tỷ lệ khen thưởng (đối với đề nghị khen thưởng cấp tỉnh trở lên) cho công chức, viên chức (không giữ chức vụ lãnh đạo quản lý) (Bằng 30% trở lên tổng số hồ sơ đề nghị khen thưởng của năm liền kề trước đó: 05 điểm; dưới 30% so với tổng số hồ sơ đề nghị khen thưởng của năm liền kề trước đó thì quy đổi tương ứng với điểm tối đa)				5									
6.3	Nộp hồ sơ trình khen thưởng (Đúng thời gian quy định: 05 điểm; không đúng thời gian quy định: 0 điểm)				5									

STT	Tiêu chí thi đua	Kế hoạch giao (Chỉ tiêu hoặc số liệu cụ thể)	Kết quả thực hiện		Điểm tối đa	Điểm cộng tối đa	Điểm tự chấm				Điểm khối chấm			
			Kết quả thực hiện (Số liệu cụ thể)	Tỷ lệ so với KH (%)			Điểm đạt được	Điểm cộng	Điểm trừ	Tổng điểm	Điểm đạt được	Điểm cộng	Điểm trừ	Tổng điểm
1	2	3	4	5 = $\frac{4}{3} \cdot 100$	6	7	8	9	10	11 = $(8+9)-10$	12	13	14	15 = $(12+13)-14$
7	Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng theo thẩm quyền tại đơn vị (Đúng quy định: 05 điểm; không đúng quy định: 0 điểm)				5									
8	Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo 06 tháng, năm và các văn bản khác về công tác thi đua, khen thưởng (Báo cáo đầy đủ, đúng hạn theo quy định: 05 điểm; báo cáo không đầy đủ hoặc không đúng hạn: 0 điểm)				5									
IV	Điểm thưởng					20								
1	Có sáng kiến, giải pháp có phạm vi ảnh hưởng trong toàn tỉnh; có Đề tài, dự án khoa học công nghệ cấp tỉnh; tập thể, cá nhân đạt giải trong các Hội thi cấp tỉnh					15								
2	Trưởng khối có cách làm đổi mới, sáng tạo trong tổ chức hoạt động của khối thi đua					5								
	TỔNG ĐIỂM				980	20								

STT	Tiêu chí thi đua	Kế hoạch giao (Chỉ tiêu hoặc số liệu cụ thể)	Kết quả thực hiện		Điểm tối đa	Điểm cộng tối đa	Điểm tự chấm				Điểm khởi chấm				
			Kết quả thực hiện (Số liệu cụ thể)	Tỷ lệ so với KH (%)			Điểm đạt được	Điểm cộng	Điểm trừ	Tổng điểm	Điểm đạt được	Điểm cộng	Điểm trừ	Tổng điểm	
3	Nộp ngân sách nhà nước (Nộp đúng, đầy đủ đạt 150 điểm; cứ vượt 01% so với năm trước liền kề được cộng 01 điểm; cứ thấp hơn 01% so với năm trước liền kề trừ 01 điểm, điểm cộng hoặc trừ không quá 05 điểm)				150	5									
4	Thu nhập bình quân của người lao động (Thu nhập bình quân của người lao động ổn định bằng năm trước liền kề: 100 điểm; cứ cao hơn năm trước 01% được cộng 01 điểm; cứ thấp hơn năm trước 01% bị trừ 01 điểm; điểm cộng hoặc trừ không quá 05 điểm)				100	5									
5	Tạo việc làm mới ổn định cho người lao động hoặc đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh				50										
6	Đóng bảo hiểm đầy đủ cho người lao động				50										
7	Tổ chức Hội nghị cho người lao động				50										
II	Thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị				150										
1	Thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí (Thực hiện tốt: 30 điểm; khá: 20 điểm; trung bình: 15 điểm)				30										

STT	Tiêu chí thi đua	Kế hoạch giao (Chỉ tiêu hoặc số liệu cụ thể)	Kết quả thực hiện		Điểm tối đa	Điểm cộng tối đa	Điểm tự chấm				Điểm khối chấm				
			Kết quả thực hiện (Số liệu cụ thể)	Tỷ lệ so với KH (%)			Điểm đạt được	Điểm cộng	Điểm trừ	Tổng điểm	Điểm đạt được	Điểm cộng	Điểm trừ	Tổng điểm	
2	Tổ chức triển khai việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh (Thực hiện tốt: 30 điểm; khá: 20 điểm; trung bình: 15 điểm)				30										
3	Có việc làm, hành động cụ thể, thiết thực trong việc thực hiện phong trào thi đua "Cao Bằng chung sức xây dựng nông thôn mới"				30										
4	Kết quả đánh giá, phân loại tổ chức cơ sở đảng (Trong sạch, vững mạnh: 15 điểm; hoàn thành tốt nhiệm vụ: 10 điểm; hoàn thành nhiệm vụ: 05 điểm) (Đối với đơn vị không có tổ chức cơ sở đảng thì lấy kết quả phân loại đảng viên nơi cư trú đối với lãnh đạo đơn vị)				15										
5	Kết quả đánh giá, phân loại tổ chức đoàn thể (Vững mạnh: 15 điểm; khá: 10 điểm; trung bình: 05 điểm) (Đối với đơn vị không có tổ chức đoàn thể thì điểm của tiêu chí này chuyển sang các tiêu chí khác trong nội dung II và được các thành viên trong khối thống nhất)				15										

STT	Tiêu chí thi đua	Kế hoạch giao (Chỉ tiêu hoặc số liệu cụ thể)	Kết quả thực hiện		Điểm tối đa	Điểm cộng tối đa	Điểm tự chấm				Điểm khối chấm				
			Kết quả thực hiện (Số liệu cụ thể)	Tỷ lệ so với KH (%)			Điểm đạt được	Điểm cộng	Điểm trừ	Tổng điểm	Điểm đạt được	Điểm cộng	Điểm trừ	Tổng điểm	
6	Tham gia đóng góp các loại quỹ nhân đạo, từ thiện do tỉnh phát động hoặc tổ chức các hoạt động ủng hộ nhân đạo, từ thiện <i>(Đóng góp đầy đủ các loại quỹ và đúng thời gian quy định hoặc tổ chức hoạt động nhân đạo, từ thiện: 30 điểm; đóng góp không đầy đủ các loại quỹ hoặc không đúng thời gian quy định: 20 điểm; không đóng góp các loại quỹ hoặc không tổ chức hoạt động nhân đạo, từ thiện: 0 điểm)</i>				30										
III	Công tác thi đua, khen thưởng				100										
1	Tổ chức tuyên truyền, quán triệt các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và chỉ đạo của cấp trên về công tác thi đua, khen thưởng <i>(Thực hiện tốt: 10 điểm; khá: 07 điểm; trung bình: 05 điểm)</i>				10										
2	Tổ chức triển khai thực hiện các phong trào thi đua do Chủ tịch UBND tỉnh, các ngành, các cấp phát động và các đợt thi đua do địa phương phát động trong năm <i>(Thực hiện tốt: 20 điểm; khá: 15 điểm; trung bình: 10 điểm)</i>				20										

STT	Tiêu chí thi đua	Kế hoạch giao (Chỉ tiêu hoặc số liệu cụ thể)	Kết quả thực hiện		Điểm tối đa	Điểm cộng tối đa	Điểm tự chấm				Điểm khởi chấm						
			Kết quả thực hiện (Số liệu cụ thể)	Tỷ lệ so với KH (%)			Điểm đạt được	Điểm cộng	Điểm trừ	Tổng điểm	Điểm đạt được	Điểm cộng	Điểm trừ	Tổng điểm			
3	Ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác thi đua, khen thưởng (Có thủ tục hành chính về thi đua, khen thưởng thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 hoặc mức độ 4: 10 điểm; có đăng tải các thông tin về công tác thi đua, khen thưởng các cấp hoặc có các gương điển hình tiên tiến được tuyên truyền trên trang thông tin điện tử của đơn vị, địa phương, trên các phương tiện thông tin đại chúng: 10 điểm)				20												
4	Công tác phát hiện và bồi dưỡng, nhân rộng điển hình tiên tiến				20												
4.1	Trong năm, doanh nghiệp có phát hiện, bồi dưỡng, xây được điển hình tiên tiến trong doanh nghiệp				10												
4.2	Có điển hình, mô hình mới, tiêu biểu được biểu dương, tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng hoặc hàng tháng giới thiệu ít nhất 01 gương điển hình tiên tiến về Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ				10												
5	Công tác khen thưởng				20												
5.1	Hồ sơ đề nghị khen thưởng				10												

STT	Tiêu chí thi đua	Kế hoạch giao (Chỉ tiêu hoặc số liệu cụ thể)	Kết quả thực hiện		Điểm tối đa	Điểm cộng tối đa	Điểm tự chấm				Điểm khối chấm				
			Kết quả thực hiện (Số liệu cụ thể)	Tỷ lệ so với KH (%)			Điểm đạt được	Điểm cộng	Điểm trừ	Tổng điểm	Điểm đạt được	Điểm cộng	Điểm trừ	Tổng điểm	
	100% hồ sơ đề nghị cấp trên khen thưởng được duyệt				10										
	Có từ dưới 10% hồ sơ đề nghị cấp trên bị trả lại do không thực hiện đúng quy định				5										
	Có từ trên 11% hồ sơ đề nghị cấp trên bị trả lại do không thực hiện đúng quy định				2										
5.2	Tỷ lệ khen thưởng (đối với đề nghị khen thưởng cấp tỉnh trở lên) cho công nhân, nông dân, người lao động trực tiếp (Bằng 30% trở lên tổng số hồ sơ đề nghị khen thưởng của năm liền kề trước đó: 05 điểm; dưới 30% so với tổng số hồ sơ đề nghị khen thưởng của năm liền kề trước đó thì quy đối tương ứng với điểm tối đa)				5										
5.3	Nộp hồ sơ trình khen thưởng (Đúng thời gian quy định: 05 điểm; không đúng thời gian quy định: 0 điểm)				5										
6	Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo 06 tháng, năm và các văn bản khác về công tác thi đua, khen thưởng (Báo cáo đầy đủ, đúng hạn theo quy định: 10 điểm; báo cáo không đầy đủ hoặc không đúng hạn: 0 điểm)				10										

STT	Tiêu chí thi đua	Kế hoạch giao (Chỉ tiêu hoặc số liệu cụ thể)	Kết quả thực hiện		Điểm tối đa	Điểm cộng tối đa	Điểm tự chấm				Điểm khối chấm				
			Kết quả thực hiện (Số liệu cụ thể)	Tỷ lệ so với KH (%)			Điểm đạt được	Điểm cộng	Điểm trừ	Tổng điểm	Điểm đạt được	Điểm cộng	Điểm trừ	Tổng điểm	
IV	Điểm thưởng					20									
1	Có sáng kiến, giải pháp có phạm vi ảnh hưởng trong toàn tỉnh; có Đề tài, dự án khoa học công nghệ cấp tỉnh; tập thể, cá nhân đạt giải trong các Hội thi cấp tỉnh					15									
2	Trưởng khối có cách làm đổi mới, sáng tạo trong tổ chức hoạt động của khối thi đua					5									
	TỔNG ĐIỂM					950	50								